

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	189	3,780,000
Được chi trong ngày					3,780,000
Đã chi trong ngày					3,780,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>113,400</b>
1	chất đốt		600	189	113,400
2			0	37	0
<b>2. Kho</b>					<b>995,300</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>995,300</b>
1	Sữa bột nguyên kem Nutifood	Kg	260,000	2.8	728,000
2	Muối iốt	Kg	10,000	0.44	4,400
3	Nước mắm Nam Ngư	Kg	55,000	0.2	11,000
4	Hành khô	Kg	40,000	0.1	4,000
5	Gạo tẻ máy	Kg	17,000	14.2	241,400
6	Dầu ăn Neptune	Kg	65,000	0.1	6,500
<b>3. Đi chợ</b>					<b>2,671,300</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>2,671,300</b>
1	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	22,000	7.5	165,000
2	Cà chua	Kg	20,000	1.7	34,000
3	Hành lá (hành hoa)	Kg	30,000	0.1	3,000
4	Tôm biển	Kg	375,000	1.9	712,500
5	Quýt	Kg	35,000	7.9	276,500
6	Gạo nếp cái	Kg	35,000	6.5	227,500
7	Xương sườn lợn	Kg	144,000	1.6	230,400
8	Thịt lợn móng nửa nạc nửa mỡ	Kg	142,000	7.2	1,022,400
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					11,129,400
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					29,958,000
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					2,138
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					42,760,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					42,760,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Vũ Thị Hương



Bùi Thị Nhâm

